

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM**

Số: 08 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảo Lâm, ngày 27 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND huyện Bảo Lâm V/v phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Văn bản số 454/CV-CTN ngày 18/12/2024; Văn bản số 195/CV-CTN ngày 12/6/2025 của và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 138/TTr-NNMT ngày 25/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (địa chỉ tại số 50 đường Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Nhà máy nước Bảo Lâm” tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy nước Bảo Lâm

1.2. Địa điểm hoạt động: số 21 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5800000174 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 11/11/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 17/9/2020.

1.4. Mã số thuế: 5800000174.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 7.558,8 m².

- Công suất: 3.210 m³/ngày đêm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được cấp và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Lộc Thắng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Các PCT UBND huyện;
- Phòng NN và MT;
- Phòng Y tế;
- UBND thị trấn Lộc Thắng;
- Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng;
- LĐVP;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Anh Tuấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Bảo Lâm)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn thải số 01: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động rửa bồn lọc áp lực của Nhà máy nước Bảo Lâm.

Nguồn thải số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên nhà máy và khách hàng tới giao dịch.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng số nước thải số 01: nước thải sản xuất sau bồn lọc áp lực của các giếng khoan (tương ứng với nguồn thải số 01), đạt chất lượng theo QCVN 40:2011/BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$).

Dòng nước thải số 02: nước thải sinh hoạt, sau HTXL nước thải sinh hoạt (tương ứng với nguồn thải số 02), đạt chất lượng theo QCVN 14:2008/BTNMT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, $K = 1,2$.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

TT	Tên công trình	Nguồn tiếp nhận nước thải
1	Giếng khoan số 7	Mương thoát nước chung tại Khu 3, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
2	Giếng khoan số 3	Mương thoát nước chung tại Khu 2, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
3	Giếng khoan số 4	Mương thoát nước chung tại Khu 5, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
4	Giếng khoan số 5	Mương thoát nước chung tại Khu 5, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
5	Giếng khoan số 6	Hố tự thấm trong khuôn viên đất của cơ sở tại Khu 2, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
6	Giếng khoan số 8 và nước thải sinh	Mương thoát nước chung tại số 21 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên công trình	Nguồn tiếp nhận nước thải
	hoạt tại văn phòng nhà máy	

2.2. Vị trí xả nước thải:

TT	Giếng khoan	Vị trí xả nước thải	Tọa vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)	
			X (m)	Y (m)
1	Giếng khoan số 7	Mương thoát nước chung tại Khu 3, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	1286085	508003
2	Giếng khoan số 3	Mương thoát nước chung tại Khu 2, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	1284486	508896
3	Giếng khoan số 4	Mương thoát nước chung tại Khu 5, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	1286702	507128
4	Giếng khoan số 5	Mương thoát nước chung tại Khu 5, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	1286986	506706
5	Giếng khoan số 6	Hồ tự thấm trong khuôn viên đất của cơ sở tại Khu 2, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	1284970	509167
6	Giếng khoan số 8	Số 21 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.	1285842	509004
7	Nước thải sinh hoạt	Số 21 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	1285842	509005

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $104 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $4,33 \text{ m}^3/\text{giờ}$, cụ thể như sau:

Dòng thải số 01: $102 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}/06$ vị trí xả thải, tương đương $4,25 \text{ m}^3/\text{giờ}$, cụ thể:

- Giếng khoan 7: $19 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $0,79 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Giếng khoan 3: $18 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $0,75 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Giếng khoan 4: $18 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $0,75 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Giếng khoan 5: $19 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $0,79 \text{ m}^3/\text{giờ}$;

- Giếng khoan 6: 18 m³/ngày đêm, tương đương 0,75 m³/giờ;
 - Giếng khoan 8: 10 m³/ngày đêm, tương đương 0,42 m³/giờ.
- Dòng thải số 2: 02 m³/ngày đêm, tương đương 0,083 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ bồn lọc áp lực (qua các vật liệu lọc: cát thạch anh, cát mangan và sỏi đỡ) được dẫn đến các hố lắng cặn, lắng các cặn lơ lửng, sau đó thải ra ngoài môi trường bằng các mương thoát nước trong khuôn viên cơ sở tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Nước thải sản xuất: gián đoạn (theo thời gian rửa bồn lọc áp lực).

Nước thải sinh hoạt: liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải tương ứng, cụ thể như sau:

Dòng nước thải số 01: QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp, hệ số nguồn tiếp nhận thải $K_q = 0,9$, hệ số lưu lượng nguồn thải $K_f = 1,2$ và áp dụng cột B. Theo đó lộ trình áp dụng đối với các cơ sở đang hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 06/2025/TT-BTNMT, ban hành quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp sẽ áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT kể từ ngày 01/01/2032, cụ thể như sau:

TT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$
1	pH	-	5,5 – 9
2	COD	mg/L	162
3	Chất rắn lơ lửng	mg/L	108
4	BOD ₅	mg/L	54
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	10,8
6	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	6,48
7	Coliform	MPN/100mL	5.000

Dòng nước thải số 02: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt, cột B, $K = 1,2$. Theo đó lộ trình áp dụng đối với các cơ sở đang hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 05/2025/TT-BTNMT, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung sẽ áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT kể từ ngày 01/01/2032, cụ thể như sau:

TT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, $K = 1,2$
1	pH	-	5 – 9

TT	Các thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,2
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
4	Amoni (tính theo N)	mg/L	12
5	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	60
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24
7	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	12
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	12
9	Tổng Coliform	MPN/100mL	5.000
10	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8
11	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.200

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Nước thải sản xuất

Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ bồn lọc áp lực (qua các vật liệu lọc: cát thạch anh, cát mangan và sỏi đỡ) được dẫn đến các hố lắng cặn, lắng các cặn lơ lửng, sau đó thải ra ngoài môi trường bằng các mương thoát nước trong khuôn viên cơ sở tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và phương thức xả thải là tự chảy.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải sản xuất.

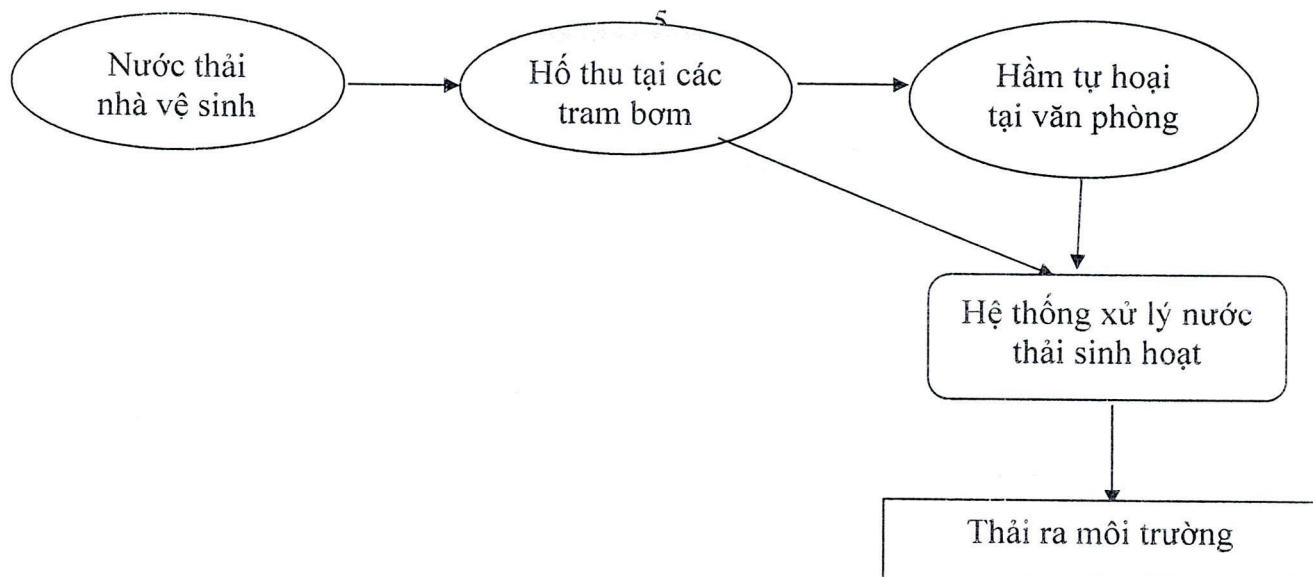
Nước thải sản xuất → Hố lắng cặn → Thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Nước thải sinh hoạt

Đối với nước thải phát sinh tại các trạm bơm, công ty sẽ đào hố thu nước dạng chìm tại đầu ra của hầm tự hoại, kích thước (1 x 1 x 1 x 1) m định kỳ sẽ thuê đơn vị có chức năng hút bơm vào bể chứa điều hòa (gồm 02 bể nối tiếp nhau, kích thước mỗi bể (1x1x1) m/ hố, của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 2 m³/ngày đêm của cơ sở được lắp đặt tại văn phòng nhà máy, 21 Nguyễn Tất Thành, huyện Bảo Lâm.

Đối với nước thải sinh hoạt tại văn phòng nhà máy: nước sau ngăn thứ ba của hầm tự hoại sẽ được dẫn bằng phương thức tự chảy đến bể điều hòa, sẽ được bơm vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở (*Chi tiết tại Thuyết minh quy trình xử lý nước thải sinh hoạt 2 m³/ngày đêm tại cơ sở*), nước sau xử lý sẽ được dẫn ra mương thoát nước chung trong khu vực.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.



2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

TT	Giếng khoan	Tọa vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	Giếng khoan số 7	1286085	508003
2	Giếng khoan số 3	1284486	508896
3	Giếng khoan số 4	1286702	507128
4	Giếng khoan số 5	1286986	506706
5	Giếng khoan số 6	1284970	509167
6	Giếng khoan số 8	1285842	509004
7	Nước thải sinh hoạt	1285842	509005

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép ô nhiễm được quy định tại Phần A 2.3.3. Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A 2.3.3. Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đường ống dẫn nước thải,... nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng và thay thế, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất và nước mặt.

3.4. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của giấy phép này ra môi trường./.



Phụ lục 2

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Bảo Lâm)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI
1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:
1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh:

TT	Tên loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Thiết bị lưu trữ	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Thùng HPDE 200 lít có nắp đậy và dán nhãn	0,017	0,2
2	Pin, acquy	16 01 12	Rắn	Thùng HPDE 200 lít có nắp đậy và dán nhãn	0,025	0,3
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	Rắn	Thùng HPDE 200 lít có nắp đậy và dán nhãn	0,017	0,2
4	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	Rắn	Thùng HPDE 200 lít có nắp đậy và dán nhãn	0,17	2,0
Tổng cộng					2,7	2,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Nguồn phát sinh	Tên CTRCNTT	Mã CTRCN TT	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh
1	Bồn lọc áp lực	Chất thải rắn từ quá trình lọc thô	12 10 01	Rắn	5,5 m ³ /6 năm/vị trí

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: 0,0225 tấn/tháng

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a. Thiết bị lưu chứa: thùng HDPE 200 lít có dán nhãn và có nắp đậy.

b. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: diện tích khoảng 05 m². Kết cấu tường gạch, khung sắt thép có mái che, nền gạch, không bị thấm thấu nước và nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào;

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Đối với vật liệu lọc được thay ra từ các bồn lọc sẽ được chủ cơ sở chôn lấp trong khuôn viên đất vườn tại các vị trí có công trình cấp nước của Nhà máy nước Bảo Lâm tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng rác dung tích 20 lít để thu gom CTR sinh hoạt.

b. Thiết kế khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Bảo Lâm)

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
3. Thu gom, xử lý nước thải theo nội dung Báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường của cơ sở.
4. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.
5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đề bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố môi trường xảy ra do triển khai và vận hành cơ sở.
6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.
7. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy chuẩn, quy định mới./.